

Mật Tạng Bộ 1 \_ No.894B (Tr.713 \_ Tr.718)

## TÔ TÁT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP \_QUYỂN THỨ HAI\_

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIÊN VÔ ÚY

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Thủ Ấn và dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

\_ Lại *Trừ Khiển Tỳ Ma Pháp*. Có *Tỳ Na Dạ Ca* (Vināyaka) theo chư Tôn. Thỉnh Bồn Tôn đến liền dùng **Chỉ Lị Chỉ Lị Chân Ngôn** (Kīlikīla-mantra) và **Ấn** (Mudra) mà trừ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật ra, hồng, phẩn tra**” (7 biến)

\*)OM\_ KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Tam Cỏ) hướng ra ngoài.



Dùng **Chỉ Lị Chỉ La Kim Cang** (Kīlikīla-Vajra) Chân Ngôn và Ấn mà trừ khiển

\_ Lại xem **Tam Ma Gia** (Samaya). Làm Trừ Khiển xong, dùng tay phải xem Ấn tụng Chân Ngôn khiển đứng lại

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, thẳng yết lị, tam ma diễm, soa ha**” (7 biến)

\*)OM\_ SAMKARE SAMAYAM SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình **Bạt Chiết La** (Vajra) hướng ra ngoài.



\_ **Dâng Tòa** mời ngồi: Trước tiên hiến **Ú Già** (Ārga), sau đó mời ngồi. Vật **Ú Già** dùng Bồn Chân Ngôn trì tụng rồi hiến, hoặc dùng chung **Ú Già Chân**

Ngôn trì tụng tùy theo sự thành tựu sai khác. Dâng Ú Già nên để ở trái tim cho đến đầu gối mà dâng hiến

ॐ यक्ष नदय क्व वरु (यय पयि पयि श्रुत)

“Úm, được khát sam năng na dã, kiên nại la, đạt nỗ, bát rị dã, bát xá bát xá, soa ha”

\*)OM\_ YAKṢA-NADAYA (?YAKṢAM-NĀDĀYA) KATRA (?CAṆḌARA) DHANU PRIYA- PAŚĀ (?DHĀNU PRIYA-PĀŚA) PAŚĀ (?PĀŚA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Dùng Hộ Thân Ấn, đổi lại ngón cái để bên ngón trỏ.

\_Vào 3 thời: Sáng, chiều, giữa Ngọ dùng Chân Ngôn Thủ Ấn dâng tòa sen cúng dường Bản Tôn

.) Phật Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn:

ॐ वीर वीरय श्रुत

“Úm, vị ra, vị ra dã, soa ha”

\*)OM\_ VĪRA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn:

ॐ पद्म वीरय श्रुत

“Úm, bát na man, vĩ ra dã, soa ha”

\*)OM\_ PADMA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn:

ॐ वज्र वीरय श्रुत

“Úm, phạ nhật ra, vị ra dã, soa ha”

\*)OM\_ VAJRA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay mở rộng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, mở rộng lòng bàn tay cách nhau; 4 ngón tay (2 ngón cái, 2 ngón út) dựa nhau đứng thẳng.



Ấn này thông cho cả 3 Bộ dâng hiến Liên Hoa Tòa

Lại nói: “*Thiện Lai Thế Tôn* (Đức Thế Tôn khéo đến). *Do sức Bản Nguyện mà đến nơi đây, cúi xin gia trì. Tha hồ mời thỉnh cùng nhận nơi con các món cúng dường, khởi Đại Từ Bi, cúi xin nạp thọ*”

Nếu bày biện quần áo, Anh Lạc dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng mà phụng hiến

\_Pháp **Kết Giới**: Dùng **Kim Cang Xuyên** (cái then cài) kết Địa Giới, dùng Kim Cang Tường kết phương trên.

Kim Cang Xuyên Chân Ngôn:

ॐ ऋ ॐ ॐ वज्र वज्र सु ॐ व ॐ व ॐ ॐ

“**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật ra, bặt chiết lị, bộ ra, mẫn đà mẫn đà, hồng, phần tra**” (3 biến)

\*)OM\_ KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪRA BANU BADA (?BHŪR BANDHA BANDHA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay trái ngón giữa, ngón vô danh hướng ra ngoài nhập vào kẽ giữa ngón vô danh, ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn ngón vô danh phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. Ngón giữa trái quấn ngón giữa phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. 2 ngón út và 2 ngón trỏ dựa nhau, 2 ngón cái đứng thẳng đụng đầu nhau. Dùng Ấn phụ 2 cánh tay, 2 ngón cái chấn đất, tụng Chân Ngôn thành **Kết Địa Giới**



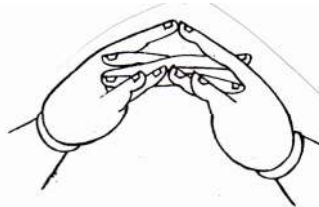
Lại dùng Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn và Thủ Ấn để kết Phương trên

ॐ ॐ ॐ ॐ वज्र वज्र चक्र ॐ ॐ ॐ

“**Úm, vi sa phô ra na ra khát sa, phạ nhật ra, bán nhạ ra, hồng, phần tra**” (3 biến)

\*)OM\_ VISPHURAD RAKṢA PAṂJARA (?PAṂJALA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Y **Xuyên Ấn** trên chỉ đổi lại ngón cái phụ bên 2 ngón trỏ. Đưa Ấn hướng lên trên, tụng Chân Ngôn thành **Kết Giới nơi hư không**. Đây là Kim Cang Câu Lan Tường Ấn



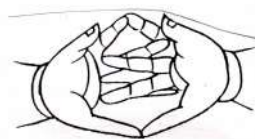
Kim Cang Tường Chân Ngôn Thủ Ấn:

ॐ ॐ ॐ ॐ वज्र वज्र चक्र ॐ ॐ ॐ

“**Úm, tát ra tát ra, phạ nhật ra, bát ra ca ra, hồng, phần tra**” (3 biến)

\*)OM\_ SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Y **Xuyên Ấn** trên chỉ đổi lại 2 ngón cái mở ra đứng thẳng. Đưa Ấn từ bên phải xoay 3 vòng và tụng Chân Ngôn thành tựu Kim Cang Tường. Đây là Kim Cang Lư (cái lò lửa) Ấn



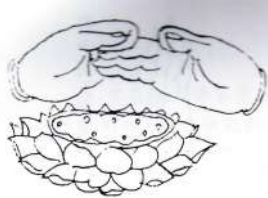
\_ Lại dùng Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn Ấn kết Giới phương Đông

ॐ वज्र मूः गगन मल ॐ

“**Úm, bặt chiết la bà xả, hạt ri, già già na, ma ra, hồng**” (3 biến)

\*)OM\_ VAJRAPA (?VAJRA-PĀŚA) HRĪḤ GAGANA MALA (?GAGANA-ĀMALA) HŪḤ

Ấn Tướng: Tay trái co ngón trỏ dựa vào gốc ngón cái, duỗi thẳng ngón cái đè móng ngón trỏ mở thành vòng tròn, 3 ngón kia cùng đứng mở rộng. Tay phải cũng vậy, đem lưng 3 ngón tay kia để trong 3 ngón tay trái.



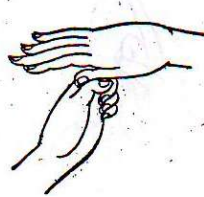
\_ Lại dùng Kim Cang Phan kết Giới phương Tây

ॐ पञ्चगोत्र ॐ

“**Úm, bát đấng kỳ ni, ra tra**” (3 biến)

\*)OM\_ PANUMGINI (?PATAMGINI) RAṬ

Ấn Tướng: Tay trái nắm quyền dựng thẳng ngón cái. Tay phải duỗi 5 ngón để bên trên đầu ngón cái trái, lòng bàn tay hướng vào thân kết Giới phương Tây



\_ Lại Kim Cang Ca Lợi Chân Ngôn Ấn kết Giới phương Bắc

ॐ वज्र कलि ॐ मूः

“**Úm, phạ nhật ra, ca li, ra tra, man tra**” (3 biến)

\*)OM\_ VAJRA-KALI RAṬ MAṬ

Ấn Tướng: 2 ngón cái, ngón út chạm đầu nhau. Co các ngón kia hướng vào lòng bàn tay, lưng các ngón không chạm nhau cũng không chạm lòng bàn tay, kết Giới phương Bắc



\_ Lại dùng Kim Cang Phong Chân Ngôn kết Giới phương Nam

ॐ वज्र मयि रत्न मयि

“**Úm, phạ nhật ra, thi khur ra, rô tra, măn tra**” (3 biến)

\*)OM\_ VAJRA ŚIKHARA RUT MAT

Ấn Tướng: Tay trái nắm lại thành quyền, duỗi thẳng ngón cái. Tay phải cũng vậy để trên đầu ngón cái trái. Ngón cái phải và ngón trỏ phải vịn đầu nhau, y Ấn này kết Giới phương Nam, chỉ đổi lại tay phải từ ngón giữa trở xuống duỗi thẳng 3 ngón. Đây cũng gọi là Phong Ấn



\_ Lại dùng Chân Ngôn tụng 7 lần vào lòng bàn tay phải, đưa ngón tay chạm đất thành kết Giới phương dưới (Hạ Phương). Ngửa bàn tay vỗ lên trên thành kết Giới phương trên (Thượng Phương)

ॐ हृदि मयि स्वहा

“**Úm, thương yết lệ, tam măn diễm, soa ha**” (7 lần)

\*)OM\_ ŚAMKARE SAMAYAM SVĀHĀ

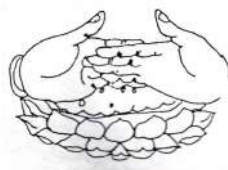
\_ Lại dùng A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn và Ấn nêu dùng Hỏa Viện

ॐ ममग्नि ह्रीं हूं ह्रूं

“**Úm, a tam man kỳ ninh, ha lợi, hồng, phẩn tra**” (3 biến)

\*)OM\_ ASAMAMGINI HRĪH HŪM PHAT

Ấn Tướng: Lưng các ngón tay phải để trong ngón tay trái, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay An qua phải một vòng thành Hỏa Viện.



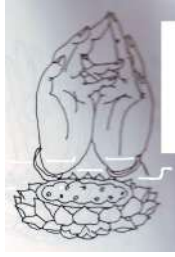
\_ Lại dùng Ấn Chân Ngôn kết Đại Giới

ॐ हृदि मयि ममग्नि ह्रीं हूं ह्रूं

“**Úm, thặng yết lệ, man ha tam ma diễm, soa ha**” (7 lần. Đây là Tam Trùng Giới Nội Kết Đại Giới Chân Ngôn)

\*)OM\_ ŚAMKARE MAHĀ-SAMAYAM SVĀHĀ

Ấn Tướng: Hai tay ngón út, ngón vô danh cài chéo nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng 2 ngón giữa chạm đầu nhau, co 2 ngón trỏ để ở lưng lóng trên của ngón giữa, không chạm vào ngón giữa như chày ba chia, 2 ngón cái để bên 2 ngón trỏ. Chuyển khắp 8 phương, trên, dưới.



Lại tụng Chân Ngôn thành kết Đại Giới

Như vậy làm xong. Giả sử gần Luân Vương Phật Đảnh và các Chân Ngôn tương nghịch khác cũng không thể gây hại, không làm mất oai lực của Bản Tôn. Các Chân Ngôn Phá Minh, cột trối và Pháp trừ bỏ của chư Hữu đều không có dịp thuận tiện gây hại.

\_ Lại đủ **Phạ Nhật Ra** (Vajra) tức là chày Kim Cang, râu chuỗi, nhẫn, dây lưng, vòng đeo tay, hoa sen, cờ xí... dùng nước thơm làm Tịnh, hoặc các thứ khác làm Tịnh, dùng Bản Tôn Chân Ngôn mà trì tụng. Khi niệm tụng và khi Hộ Ma đều cần chuẩn bị đầy đủ các vật trên.

\_ Lại nói **Thành Tựu Bạt Chiết La** và các vật. Bạt Chiết La tùy theo tương ứng để trong đồ đựng đặt trước mặt, an trên Tòa. Dùng Bạch Đàn, Uất Kim, Tử Đàn tùy theo Bộ Loại mà bôi xoa. Lại dùng hương hoa... cầm mà cúng dường, thỉnh Kim Cang ... Chân Ngôn Chủ, dùng Chân Ngôn ấy trì tụng hương hoa mà cúng dường. Lại tụng ngàn biến gọi là thành tựu.

Bạt Chiết La Chân Ngôn:

ॐ वज्र वज्र ह

“Úm, độ năng, phạ nhật ra, ha”

\*)OM\_ DHUNA VAJRA HĀ (?HAH)

Bạt Chiết La: Dùng Tử Đàn làm ba chia, trì tụng ngàn biến

\_ Phật Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn:

ॐ नमो रत्नत्रये ॐ विजय विजय सिद्धि सिद्धि ह

“Na mô ra đát na đát ra dạ dã. Úm, ú na bạt đế, vi nhạ duệ, tất địa, đà lạt thê, soa ha”

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM\_ ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHATHE (?SIDDHA ARTHA) SVĀHĀ

\_ Liên Hoa Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn:

ॐ पद्मपद्मे ॐ श्रीगणेशाय नमः श्रीमल्लिकार्जुने

“Na mô bát trì mãn trì noa duệ. Úm, am bà một lệ đām nghiêm mô, thất lệ duệ, thất lệ mang lý nễ, soa ha”

\*)NAMO PADMA-PĀṆĀYE (?PADMA-PĀṆĀYE)

OM\_ AMṚTA GAME (?AṅGA ME) ŚRĪYE ŚRĪ-MALINI (?ŚRĪ-MĀLINI) SVĀHĀ

\_ Kim Cang Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn:

ॐ नमो रत्नप्रदय नमो वज्रपाणय मन् द्यु  
मन्प्रदय उं किरि किरि ईश्वरि सुद

“Na mô ra đát năng đát ra dạ dă.

Na ma thăt chiến nũa phạ nhật ra trì nĩnh duệ, ma được khát xoa, tế na bát đả duệ.

Úm, chỉ lị chỉ lị, lao nại rị vĩ, sa ha”

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMA (?NAMAḤ) ŚCAṆḌA VAJRA-PANAYE (?VAJRA-PĀNĀYE) MAHĀ-YAKṢA SENAPATAYE

OM\_ KIRI KIRI (?KILI KILI) RAUDRIṆĪ SVĀHĀ

Mỗi dăng 3 Bộ Tịnh Châu Chân Ngôn. Tùy theo Bốn Bộ Chân Ngôn xâu qua lỗ của hạt châu, mỗi một hạt tụng 7 biến cho đến khi xâu xong, lại tụng Chân Ngôn trăm biến. Sau đó lại như Pháp trên mà Tịnh Sở Châu, tiếp dùng Chân Ngôn này làm thành tựu

\_ Phật Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn:

उं नमो भगवते शुभदे सदाय सदाय सुद

“Úm, na mô bà nga phạ đế, tô tất địa , sa đà dă, tất đà lạt thê, soa ha”

\*)OM\_ NAMO BHAGAVANĪ (?BHAGAVATI) SUSIDDHE (?SUSIDDHI) SADHAYA (?SĀDHAYA) \_ SIDDHA RTHA (?ARTHA) SVĀHĀ

\_ Liên Hoa Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn:

उं वसु मति मय पद्म मालि सुद

“Úm, phạ tô măn đê, thăt lị duệ, bát lặc măn man lý nễ, soa ha”

\*)OM\_ VASU-MATI ŚEYE (?ŚRĪYE) PADMA-MALINI (?PADMA-MĀLINI) SVĀHĀ

\_ Kim Cang Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn:

उं वज्र जितम जये सुद

“Úm, phạ nhật ra , nhĩ đam nhạ duệ, soa ha”

\*)OM\_ VAJRA JITAM JAYE SVĀHĀ

Dùng Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn này thỉnh Bốn Bộ Chân Ngôn ở trên Sở Châu cho đến cúng dường, trì tụng ngàn biến dùng làm thành tựu.

\_ Lại nói Ấn Tướng cầm Sở Châu: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón vô danh, duỗi thẳng ngón giữa, ngón út, hơi co ngón trở chạm bên lóng trên của ngón giữa. Ấn này thông cho cả 3 Bộ. Đây là dùng **Phật Bộ Sở Châu Ấn**.

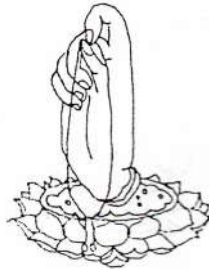




Lại nói Ấn Tướng cầm SỔ Châu Liên Hoa Bộ: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón giữa, duỗi thẳng 3 ngón kia. Tay trái cũng vậy



Lại nói Ấn Tướng cầm SỔ Châu Kim Cang Bộ: Tay phải nắm quyền, ngón cái vịn ngón trỏ. Tay trái cũng vậy.



\_ Dùng hạt Hoạt Nhĩ làm niệch châu Phật Bộ  
\_ Dùng hạt sen làm Quan Âm Bộ SỔ Châu  
\_ Dùng hạt Rô Nại Ra Xoa làm Kim Cang Bộ SỔ Châu

\_ Lại nói Pháp lấy hạt Hoạt Nhĩ, hạt sen, hạt Rô Nại Ra Xoa, Thương Khư, Đá, cây Mộc Hoạn, vàng, bạc, chì, thiếc, đồng, lưu ly... tùy ý chọn một loại, số hơn một trăm làm xâu chuỗi. Dùng tay phải cầm, tâm không tán loạn, lụng một biến lần một hạt, không lộn xộn sau trước

\_ Lại nói vòng xuyên, vòng đeo tay: Lấy hạt Ni Tử hoặc hạt khác, dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ An trì tụng hương hoa để cúng dường và rưới vẩy nước thơm. Lại dùng Bồn Bộ Mẫu Chân Ngôn Ấn thỉnh lại gia trì, sau lại cúng dường cho đến trì tụng ngàn biến

\_ Dùng cỏ Nại Bà làm nhẫn đeo ở ngón vô danh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn, như trước làm thành tựu cho đến trì tụng ngàn biến, mỗi mỗi y theo Bồn Bộ, thứ tự nên biết

\_ Lại làm dây lưng: Nhờ Đồng Nữ xe dây, dùng hoa màu đỏ lam mà nhuộm hoặc nghe, nhuộm, như trước làm Pháp thành tựu cho đến tụng ngàn biến. Khi niệch tụng, khi Hộ Ma và khi ngũ thì buộc ở lưng để ngăn xuất tinh

Thành tựu dây lưng Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं वर वरं सुभ वाम हृद्य हृद्य



“Úm, ha ra ha ra, măn đà măn đà nễ , thúc khát ra đà ra ni, tất đạt lạt thể, soa ha”

\*)OM HĀRA HĀRA BAḌA BAḌANI (?BANDHA BANDHANI) ŚŪKRA DHĀRAṆI SIDDHA RTHA (?ARTHA) SVĀHĀ  
Chung cho cả 3 Bộ, dùng Ấn và Bộ Mẫu đồng

Trong Phật Bộ dùng dây màu trắng. Liên Hoa Bộ dùng dây màu vàng, Kim Cang Bộ dùng dây màu đỏ. Các vật đây đủ ở thân, mới có thể làm Pháp, y Kinh y Bộ như Kinh đã nói.

Kết Đại Giới xong, lại nên cúng dường. Tùy theo thành tựu và việc Bộ sai khác. Chỗ bày biện hương xoa, màu sắc, mùi vị, mùi hương cùng tương ứng điều ấy. Trước đã nói làm sạch trừ cầu cho đến Quang Trạch, đồ hương... dùng Chân Ngôn này và Bồn Bộ Chân Ngôn trì tụng gia hộ, sau kết Thủ Ấn dâng hiến

Phụng Đồ Hương Chân Ngôn:

ॐ म हाः सुमहेशु सुवयः सुवय नय मय जय जय  
नकु यगृगृ यमहय उं मरु मरु मरु जयदा  
मरुग मरु

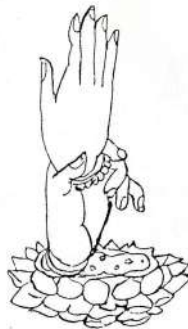
“Y dương ngôn đà thâu bà nễ ni dạ, thâu giả dã, thâu nễ du na năng mẩu dạ nễ phệ nễ đố , bặt ngật để, đố bặc ngật để dạ, bát la để cật lạt hê dã, bát la tứ nã dương.

Úm, a ha ra, a ha ra, tát ra phạ vĩ nễ dạ, đát ra bố nhĩ đế, soa ha” (7 biến thông cho 3 Bộ)

\*)IME GADDHAḤ ŚUBHĀDIVYA ŚUCAYAḤ ŚUCAYO NAYA MAYA NIVE NIDO BHAKTYA PRATIGRHYA PRASIDAME

OM AHARA AHARA (?ĀHARA ĀHARA) SARVA VIDYA-DHARA (?VIDYA-DHĀRI) PŪJITE SVĀHĀ

Ấn Tướng: Tay phải duỗi 5 ngón, thẳng bàn tay hướng ra ngoài. Tay trái hướng lên trên nắm cổ tay phải. Đây là **Hiển Đồ Hương Ấn**



) Lại Phật Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ मारुय वषय नमः मरु

“Úm, a khát lộ đa ra, ngật ra, vĩ sái duệ, na man, soa ha” (7 biến)

\*)OM AGĀTNARAGRA (?AGRA UTTARA AGRA) VIṢAYE NAMAḤ SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ वृषे वृषे वृषेपते वृषे वृषेपते ॐ कन्द

“Úm, na lật tri, na lật tri, na lật tra bát ninh , na lật đế dạ, na lật đế bát ninh, hồng, phần tra” (7 biến)

\*)OM\_ NṚTI NṚTI NṚTAPATI NṚTE (?NṚTI) NṚTYAPANE (?NṚTYA-PATI) HŪM PHAT

.) Kim Cang Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ विसा विसा ॐ कन्द

“Úm, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng, phần tra” (7 biến)

\*)OM\_ VISARA VISARA HŪM PHAT

\_ Lại trước có nói Khử Cầu cho đến Quang Trạch, Hoa dùng Chân Ngôn này và Bồn Chân Ngôn trì tụng, sau đó kết Thủ Ấn dâng hiến

Phụng Hoa Chân Ngôn:

ॐ य सुमन सुदिव्य सुव सुवय नय नमय वय  
दय नक्तु प्रमदय प्रमदय ॐ म्कार म्कार म्कार वृषे  
प्रकार ॐ कन्द

“Y dương tô mãn năng, tô nễ vĩ dạ, thâu da dã , thâu dã du năng dã, năng mãn dạ, ninh phệ nễ đa, bạt cật đế dạ, bát la đế khát lạc hê, bát la tứ na dương.

Úm, a ha ra, a ha ra, tát ra phạ vĩ nễ dạ đạt ra, bố nhĩ đế, soa ha” (7 biến)

\*)IME SUMANA SUDIVYA ŚUCA ŚUCAYO NAYA NAMAYA NIVEDITA BHAKTYA PRATIGRHYA PRATIDAME

OM\_ AHARA AHARA (?ĀHARA ĀHARA) SARVA VIDYADHARA (?VĪDYA-DHĀRI) PŪJITE SVĀHĀ

Ấn Tướng: Như **Xa Lộ Ấn** lúc trước, chỉ đổi lại ngón cái để bên ngón trỏ. Đây là **Phụng Hiến Hoa** thông cho cả 3 Bộ.



.) Phật Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn

ॐ भिषे भिषे ॐ कन्द

“Úm, thi kỳ, thi khế, soa ha” (7 biến)

\*)OM\_ ŚIKHI ŚIKHE SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn

ॐ वृषे वृषे वृषेपते वृषे वृषेपते ॐ कन्द

“Úm, chiến ni ninh kiện đà mô đĩnh ni, hồng, phần tra” (7 biến)





“Úm, vĩ lộ khẩu ninh, sa ha” (7 biến)

\*)OM\_ VIROKINI (?VILOKINI) SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Phụng Thực Chân Ngôn

ॐ वक्रम वक्रम ह्रं

“Úm, phạ nhật lệ ni, phạ nhật lam nghệ, sa ha” (7 biến)

\*)OM\_ VAJRINI VAJRĀMGE SVĀHĀ

\_ Lại trước nói làm sạch... cho đến Quang Trạch, **Nhiên Đăng** (đốt đèn) dùng Chân Ngôn này và Bản Chân Ngôn trì tụng, kết Thủ Ấn mà phụng hiến

Phụng Nhiên Đăng Chân Ngôn:

ॐ ह्रं श्रीं पद्मे श्रीं मन्त्रं मन्त्रं सुम् मयं वक्रम  
ह्रं वक्रं वक्रं वक्रं ॐ मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं वक्रं  
वक्रं ह्रं

“Ra cật sô, cật năng sái dã, bễ vĩ đát ra, thất dã, đờm mô vĩ đàm mẫn năng thâu bà mẫn dạ, ninh phệ nễ đố, bặt cật để dạ, nê báo diêm, bát ra cật để hê dã nan

Úm, a lộ ca dã, a lộ ca dã, tát ra phạ vĩ nễ dạ đạt ra, bố nhĩ đế, soa ha” (7 biến thông cho cả 3 Bộ)

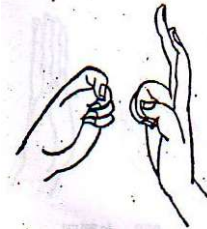
\*)RAKṢOGHNAŚCA PAVITRAŚCANAM MOVIDHAM

(?TAMOVIDHAM) MANAḤ ŚUBHA-MAYA NIVEDITO BHAKTYA DĪTHOYAM (?DIPOYAM) PRATIGRHYANĀM

OM\_ ALOKA ALOKA (?ĀLOKA ĀLOKA) SARVA VIDYA-

DHARA (?VĪDYA-DHĀRI) PŪJITE SVĀHĀ

Ấn Tướng: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa, ngón cái vịn nhau đứng thẳng. Đây là **Phụng Nhiên Đăng Ấn**, thông cho cả 3 Bộ



.) Phậ Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn

ॐ मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं ह्रं

“Úm, a mẫn na kiếm để để nhĩ ninh, soa ha” (7 biến)

\*)OM\_ AMALA KĀṀTI TEJINI SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn

ॐ वक्रं वक्रं वक्रं ह्रं

“Úm, chiến an ni ninh như ta năng ra rị, hồng, phẩn tra” (7 biến)

\*)OM\_ CAṆḌA NIJROSTĀ KARI HŪM PHAṬ

.) Kim Cang Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn

ॐ वक्रं वक्रं वक्रं ह्रं

“Úm, vĩ phạ lật đa lộ dã năng, hồng, phẩn tra” (7 biến)

\*)OM\_ VIVṚTA LOCANA HŪM PHAṬ

\_ Lại Chân Ngôn và Thủ Ấn vận Tâm cúng dường nếu không bày biện Đồ Hương..... đến đèn sáng cúng dường. Chỉ tụng như trên mà hiển Đồ Hương.... Các Chân Ngôn, Thủ Ấn cũng thành cúng dường đầy đủ.

\_ Lại vận Tâm cúng dường, tức là dùng Tâm mà tưởng các hoa nơi nước, không có chủ, đầy khắp cả 10 phương hư không và dùng mây hương thù diệu của Trời Người, hương đốt, đèn sáng, cờ xí, lọng báu, các thứ kỹ nhạc ca vịnh hát xướng, chân châu, lưới võng, treo các chuông báu, hoa, chuông mõ, phất trần, lưới, cây báu Như Ý; mây quần áo, âm nhạc của chư Thiên, cung điện, lầu gác, trụ báu trang nghiêm, chuỗi Anh Lạc, mào đội của chư Thiên như vậy như mây. Hành Giả vận Tâm tưởng đầy cả hư không. Dùng phương cách này thành tâm cúng dường là hơn hết cho đến Hành Giả dùng tâm quyết định mà làm Pháp này, vận Tâm cúng dường, trì tụng Chân Ngôn và kết Ấn thì nơi tưởng như trên đều thành tựu

Chân Ngôn là:

ॐ स्रक्ष्णं त्रं सुस्रं सुं [रुं] ररररं सुं

“Úm, tát ra phạ tha kham, ốt na nghiệt đế, sa bạt ra, hê môn, già già năng kiểm, soa ha” (7 biến)

\*)OM\_ SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA HIMAM GAGANAKĀM SVĀHĀ

Ấn Tướng: Hai tay chắp lại, cài chéo các đầu ngón tay, bên phải đè bên trái, rồi để trên đỉnh. Đây là **Thành Tựu Vận Tâm Cúng Dường Thủ Ấn**



\_ Phàm làm cúng dường nê ho đến thành tâm và hiển Ứ Già đều dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn trì tụng thành tựu, vận Tâm chắp tay để trên đỉnh mới thành Pháp cúng dường đầy đủ

\_ Lại Pháp **khen ngợi** (tán thán): Trước tiên phát lòng tin chí thành, trân trọng khen ngợi Phật Đức cùng Pháp Tăng, Quán Tự Tại, Kim Cang Bồ Tát...

\_ Khen công đức của Phật

**Đấng Đại Bi cứu đời**

**Đại Sư của tất cả**

**Biển Công Đức vô biên**

**Con cúi đầu dâng lễ**

\_ Lại khen Đức của Pháp

**Pháp thanh tịnh ly dục**

**Hay trừ các đường ác**

**Chân Tịch Đệ Nhất Nghĩa**

**Cúi đầu y theo Pháp**

\_ Lại khen Đức của Tăng  
**Khéo được Đạo giải thoát**  
**Điều trụ các Giác Địa**  
**Lương Phước đều hơn hết**  
**Nay con xin quy mạng**

\_ Lại khen Quán Tự Tại  
**Chư Phật đại cát tường**  
**Đầy đủ nơi Tôn Đức**  
**Hiệu là Quán Tự Tại**  
**Quy y thường tịch nhiên**

\_ Lại khen Cháp Kim Cang  
**Sức mạnh rất giần dữ**  
**Thành tựu Đại Minh Vương**  
**Điều phục kẻ khó điều**  
**Quy y Cháp Kim Cang**

Trước tiên Quy Y chư Đại Bồ Tát , nếu muốn khen ngợi thì tùy ý theo như Kinh mà khen ngợi. Muốn khen ngợi các Bồ Tôn khác cũng nên y theo Kinh

\_ Lại sám hối các tội, tùy hỷ các phước, thỉnh triệu, khuyến thỉnh thường trụ ở đời lợi lạc Hữu Tình

\_ Lại quy mệnh Tam Bảo, phát Tâm Bồ Đề, phát Nguyện

.) Đầu tiên là **Sám Hối**: “Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát, La Hán Thánh Tăng thường nhớ nghĩ đến con, thường chứng biết cho con. Hoặc trong đời này, hoặc trong đời trước , từ vô thủy sanh tử đến nay theo Tham Sân Si , hết thảy phiền não làm não loạn thân tâm, tạo nhiều tội lỗi nơi Phật Pháp Tăng, cha mẹ, sư trưởng cùng chư Bồ Tát, hết thảy Thánh Nhân và các loại chúng sanh có Đức không Đức; chạy theo ba Nghiệp tạo các tội nặng tự làm hoặc bảo người khác làm, thấy làm tùy hỷ. Các tội như vậy nhiều vô lượng vô biên. Nay đối trước chư Phật Bồ Tát , thành tâm phát lộ trần trọng sám hối. Một khi sám hối rồi, sau không làm nữa. Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi chứng biết , tội chướng tiêu trừ”.

.) **Quy Y Tam Bảo**: Vì trừ các khổ cho chúng sanh nên quy y Tam Bảo. Như đây nhớ niệm Tam Bảo, các An Đức, dùng đầu đánh chạm đất Quy Y. Nói lời như vậy: “Con..... nguyện từ thân này cho đến khi ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng, quy y Như Lai , ba Thân Vô Thượng. Quy y Phương Quảng Đại Thừa Pháp Tạng. Quy Y hết thảy Bất Thoái Bồ Tát Tăng. Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi nhiếp thọ”

Nên theo như đây Quy y Tam Bảo

.) **Phát Tâm Bồ Đề**: “Bồ Đề Tâm này gọi là **Vô Thượng Đại Thừa Chung Tử** , hay ban cho chúng sanh Cam Lộ giải thoát, Diệu Quả nên trân trọng



tiên tu hay sanh Tất Địa. Vì muốn đoạn trừ vô lượng các khổ của chúng sanh trong ba cõi, không nhiễm phiền não, vượt khỏi ba đường ác, thọ thân Tam Hữu chịu vô lượng khổ. Nay con vì làm nơi che chở cứu giúp. Kẻ không có nơi nương tựa, không có chủ thời con sẽ làm chỗ cho nương dựa. Kẻ vượt biển sanh tử thời con sẽ làm Thuyền Sư. Kẻ bị lạc đường thời con sẽ làm người chỉ lối. Kẻ không có ai cứu độ thời con sẽ cứu hộ trừ khổ ban cho vui sướng. Hết thấy chúng sanh có các Phiền Não và Tùy Phiền Não thời con đều trừ diệt, luôn nhớ nghĩ Nghiệp Thiện, không nhớ Ac Duyên. Các thứ Công Đức Trí Tuệ trang nghiêm nơi thân, sáu Ba La Mật thường tu không gián đoạn, nhiều ích chúng sanh, cùng tu Phước này. Con trong đời này và các đời khác: Phước Trí đã tu nhiều ích chúng sanh. Nơi có Phiền Não và Tùy Phiền Não đều khiến tội phục. Siêng tu các Thiện Phẩm cho đến Bồ Đề không nghĩ nhớ các duyên không Thiện Tâm”

Y theo đây mà phát Tâm Bồ Đề

.) Sau lại tu hành Từ Bi Hỷ Xả, luôn trụ trong thanh tịnh, thường nhớ sáu Niệm, xem xét nơi Tâm đúng lý Niết Bàn, vọng tưởng sở chấp thấy đều bỏ hết

.) **Phát Thẳng Nguyện:** “Nhu chư Bồ Tát tu hành các Thiện Phẩm, phát Thẳng Nguyện rộng, nhiều ích Chúng sanh. Con có các việc Thiện cũng y như vậy. Lại nguyện hay trừ hết thấy các khổ Địa Ngục của chúng sanh, tròn đầy Phước Đức, chứng niềm vui của Niết Bàn. Lại nguyện các chúng sanh được nhiều tào bảo, thường luôn bố thí, đầy đủ Trí Tuệ, thường ôm lòng nhẫn nhục, ham thích làm các việc Thiện, được Túc Mạng Trí, Bi niệm Hữu Tình. Nguyện các chúng sanh ở nơi đâu thường được các thắng sự như vậy”

\_ Quán Đảnh Ấn Tướng: Hai tay 2 ngón Địa (ngón út) cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, 2 ngón Thủy (ngón vô danh) đè trên, dựng thẳng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) chạm đầu nhau, co 2 ngón Phong (ngón trỏ) để ở lưng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) không chạm nhau, thẳng 2 ngón Không (ngón cái) để dưới lòng thứ hai của 2 ngón Hỏa (ngón giữa) liền thành. Đây là **Quân Trà Lợi Thân Ấn** Dùng Ấn vốc nước, niệm Chân Ngôn 7 biến hoặc 21 biến, 108 biến tùy ý tầm gọi.



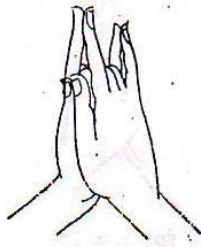
\_ Lại nói Ấn Tướng khác. Tay Quán (tay phải) ngón Không (ngón cái) nắm ngón Địa (ngón út), thẳng 3 ngón kia như hình chày ba chia. Đây là **Quân Trà Lợi Yết Ma Ấn**



Gia trì Đất sau đó thêm văn của 2 Ân. Văn của Ân ấy nói là: Nội Phộc (Cài chéo các ngón tay bên trong rồi nắm lại thành quyền) 2 Địa (ngón út) hợp đầu ngón như hình Chày, dùng chạm đất, 3 lần hạ xuống tức là Ân này.



Lại có Ân: Nội Phộc, kèm đuôi hợp 2 Không (ngón cái) 2 Phong (ngón trỏ), Không (ngón cái) hợp bên trong Phong (Ngón trỏ), 2 Địa (ngón út) cũng đuôi hợp.



Liên dùng Ân ở trên mặt đất chuyển bên phải 3 vòng tức thành Kết Hộ. Tiếp theo đến **Tịch Trừ Ân**. Ở mỗi một Thời, như Pháp niệm tụng.

Lại thêm **Pháp Yếu Niệm Tụng**: Có 4 thứ tức là **Chữ Số Niệm Tụng**, **Thời Số Niệm Tụng**, **Tướng Mạo Niệm Tụng**, **Tăng Gia Niệm Tụng**. Niệm tụng xong rồi tùy theo chỗ mong cầu thành tựu, trân trọng cầu xin. Sau đó niệm tụng **Hộ Ma** y như Pháp nên hay đầy đủ các điều cầu xin tùy ý thành tựu. Dù cho Bản Pháp không nói Hộ Ma, vì cầu Tất Địa nên y theo Pháp mà làm.

**Vật thành tựu** có hai loại: Một là Thư Hoàng, Chu Sa, các loại. Hai là Tâm Ý tịnh tùy theo lòng ưa thích vật gì. Y theo Pháp đơn giản chọn lựa làm Tịnh, cầu các Thắng Duyên, mỗi mỗi y theo **Bổn Pháp, gia trì như Pháp, Quán Đảnh** đủ 3 Duyên; tức là nói **Thuốc, vật** và **Tự Thân** đủ 3 duyên này mới có thể cầu **Tất Địa** (Siddhi). Trước tiên quán mỗi một tướng trong ngoài, đủ hạnh Tinh Tiến, y Giới của Chân Ngôn để trừ vô lượng nghiệp Bất Thiện cho nên y theo **Giáo Tông** tu Pháp Bạch Tịnh khiến tội tiêu trừ rồi tụng Chân Ngôn cho đến được Tất Địa Thành Tựu. Lại khiến tăng trưởng Nghiệp Bạch Tịnh khiến cho thật tròn đủ rồi nên y theo Pháp trì tụng Chân Ngôn cho đến khiến được thành tựu Tất Địa.

\_ Như **Quán Tâm**: Y trụ một cảnh, buộc niệm chuyên chú tướng đầu mũi không cho tán loạn, **Tam Muội** (Samādhī) tương ứng, người trì tụng cũng nên như vậy, do Tâm cột buộc tướng, bầy ở Chân Ngôn. Dùng **Cấm Duyên** này sẽ được thành tựu.

\_ Làm **Thành Tựu**: là đầy đủ Tọa Cụ và Chân Ngôn. Vào ngày mùng tám, ngày 14, ngày 15 của kỳ **Bạch Nguyệt** (15 ngày đầu của tháng), ngày Nhật Thực, Nguyệt Thực, ngày động đất, ngày mùng một cho đến ngày 15. Các ngày như vậy làm Pháp thành tựu, y theo Bốn Pháp cần phải đầy đủ. Trước đã chọn được chỗ đất tốt, ở ngay chỗ ấy làm Pháp **Kết Hộ** tùy theo Pháp Tắt Địa, tạo **Mạn Đà La** (Maṇḍala: Đàn Tràng), y nơi Trì Minh và các Pháp Mạn Đà La, an **Thập Phương Thần** (các vị Thần ở 10 phương), như Pháp cúng dường, dâng các vật cúng với Trợ Bần (Người trợ giúp cho ta tu), kết hộ ta và họ thì mới có thể vào trì niệm làm Pháp thành tựu.

\_ Đến lúc **Phát Khiển**, khen **Hàng Tam Thế** (Trailokya-vijaya) như sau  
“Quy mạng **Kim Cang Thủ** (Vajra-pāṇi)

Tôi phục các loại Ma  
Đủ các **hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-caryā)  
Biển Công Đức vô biên  
An trụ thân Bốn Hữu  
Tịch tịnh không đầu đuôi  
Diệu dụng ban các Nguyện  
Điều **Ma** (Māra), diệt ba Độc  
Đổi thay nên tu hành  
Cứu độ các Hữu Tình  
Khiển ra khỏi sanh tử  
Từ Phàm vào **Phật Địa** (Buddha-bhūmi)

#### TÔ TẮT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYỂN THỨ HAI (Hết)

\_ Thịnh Hòa Thiên Chân Ngôn

ॐ ऋषि मन्त्रे सुगन्धर्वे कर्मणि सगन्धर्वे सुगन्धर्वे सुगन्धर्वे  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)OM EHYEHI MAHĀ-BHŪTA DEVARTHIDDHIJA SATTAMAGRĤITVĀHU MAHĀ-RAMA SISAM NIHITOVA ASĀYE HĀHYA BHACYAVAHĀNAYA SVĀHĀ

\_ Xúc miệng Chân Ngôn

ॐ अगयो हदया कदया वनये हिदया हिदया

\*)OM AGAYO HADYA KADYA VANAYE HĪDYA HĪDYA  
PAYA

\_ Chỉ Lị Chỉ Lị Phẫn Nộ

ॐ क्रूरक्रूर वक्र क्रूर

\*)OM\_ HILI HILI (?KILI KILI) VAJRA HŪM PHAT

\_ Rưới vẩy nước hương

ॐ म्मृग न्मृ २ ॐ न्मृ

\*)OM\_ AMUTE (?AMRTE) HANA HANA HŪM PHAT

\_ Đốt lửa

ॐ सु ल्वा

\*)OM\_ BHURJVALĀ (?BHŪR JVALA)

\_ Phật Bộ Ngũ Tịnh

ॐ न्मृ गवत उञ्जिय वसुध वरु म्मृ न्मृ न्मृ

\*)NAMO BHAGAVATE UṢNĪṢAYA (?UṢNĪṢĀYA) VIŚUDDHE VIRAJO (?VIRAJA) ŚIVI ŚAṂ (?ŚĀNTI) KARI SVĀHĀ

\_ Liên Hoa Bộ Ngũ Tịnh

ॐ न्मृ गवत पद्मपद्म म्मृ

\*)NAMO BAGAVATE PADMA-PANAYA (?PADMA-PĀNĀYA) ŚĀJO (?OM YAŚOYE SVĀHĀ)

\_(? Kim Cang Bộ Ngũ Tịnh)

ॐ न्मृ व सुध न्मृ म्मृ वरुपद्म म्मृ म्मृ म्मृ प ॐ व

व म्मृ व म्मृ व म्मृ व म्मृ व म्मृ व म्मृ व

\*)NAMO RATTATUYĀ (?RATNA-TRAYĀYA)

NAMAḤ ŚCANḌA VAJRA-PANAYE (?VAJRA-PĀNĀYE) MAHĀ-YAKṢA SENAPATE (?SENAPATĀYE)

OM\_ VIKHI (?ŚIKHI) NIRMALE PRABHE PRABHESVĀLE

(?PRABHESVARE) TAJAVANI (?TEJA-VATI) PRABHA-VATI SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 21/12/2014